

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày ... tháng ... năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)*

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Chương trình đào tạo Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng. Chương trình được cập nhật, điều chỉnh và cải tiến đáp ứng chương trình chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và yêu cầu dạy học phát triển năng lực người học. Chương trình Sư phạm Tin học và Công nghệ được xây dựng và quản lý bởi Khoa Giáo dục Tiểu học, gồm có các ngành Giáo dục Tiểu học, Tin học và Sinh - Môi trường. Theo quy định, sau 02 năm Khoa tiến hành rà soát, cập nhật chương trình 01 lần. Năm 2021, Khoa tiến hành cập nhật, rà soát chương trình trên phiên bản chương trình đã được ban hành của năm 2019.

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Primary school teacher education in Informatics and Technology Education
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Mã ngành đào tạo:	7140250
5. Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6. Thời gian đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy

8. Số tín chỉ tích lũy tối thiểu:	130
9. Khoa quản lý:	Giáo dục Tiểu học
10. Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
11. Website:	https://pri.ued.udn.vn
12. Thang điểm:	Thang điểm 4
13. Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: (Có thể trích lược Quy định vào đây)
14. Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
15. Vị trí việc làm:	- Giáo viên dạy Tin học và Công nghệ tại các trường tiểu học, trường quốc tế, tư thục, trường chuyên biệt trong cả nước. - Có thể làm công tác chuyên viên, quản lý ở các trường tiểu học, Phòng GD&ĐT, Sở. - Có thể giảng dạy tại khoa Giáo dục Tiểu học trong các trường Cao đẳng Sư phạm và Đại học Sư phạm trong cả nước. - Có thể mở hoặc làm việc tại các trường tư thục, dân lập, các Trung tâm nghiên cứu giáo dục, các dự án giáo dục.
16. Khả năng nâng cao trình độ:	- Có thể tiếp tục học lên thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Giáo dục học, Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học), Quản lý giáo dục...
17. Chương trình đào tạo đối sánh:	Giáo dục Tiểu học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội

18. Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo:	08/2021
--	---------

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

I. Triết lý giáo dục

1. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sư phạm

Giáo dục toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo - Thực nghiệp. Trong đó:

- **Giáo dục toàn diện:** Sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức - Trí - Thể - Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

- **Khai phóng:** Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

- **Sáng tạo:** Sáng tạo là đặc tính riêng có của con người, và là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học. Hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những phát kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy của người giáo viên.

- **Thực nghiệp:** Thực nghiệp có vai trò quan trọng trong đào tạo, học phải đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.

2. Triết lý giáo dục của Khoa Giáo dục Tiểu học

Thực học – Thực nghiệp – Toàn diện - Sáng tạo và Khai phóng

II. Tầm nhìn

1. Tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng trở thành trường trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo.

2. Tầm nhìn của Khoa Giáo dục Tiểu học

Đến năm 2030, Khoa Giáo dục Tiểu học – Trường ĐHTSP trở thành khoa đào tạo trọng điểm về Giáo dục Tiểu học, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ khoa học giáo dục đạt chuẩn chất lượng trong khu vực.

III. Sứ mạng

1. Sứ mạng của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

2. Sứ mạng của Khoa Giáo dục Tiểu học

Khoa Giáo dục Tiểu học là nơi đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học chất lượng cao gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam; kết hợp với nghiên cứu, chuyển giao khoa học giáo dục tiểu học và hợp tác phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ ở trường tiểu học, các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời, có phẩm chất, đạo đức nhà giáo.

2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1:** Có kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học giáo dục đáp ứng hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.

- **PO2:** Có năng lực tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tin học và Công nghệ cấp Tiểu học.

- **PO3:** Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

- **PO4:** Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng có khả năng:

- **PLO1:** Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học giáo dục vào hoạt động giáo dục và dạy học môn Tin học và Công nghệ ở cấp Tiểu học.
 - *PI 1.1. Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên vào hoạt động giáo dục học sinh tiểu học.*
 - *PI 1.2. Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo vào hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học.*
- **PLO2:** Tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học Tin học và Công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
 - *PI 2.1. Lập kế hoạch giáo dục, dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.*
 - *PI 2.2. Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.*
 - *PI 2.3. Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.*
 - *PI 2.4. Phân tích và phát triển chương trình tin học và công nghệ tiểu học.*
- **PLO3:** Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
 - *PI 3.1. Khai thác các phần mềm, học liệu số, thiết bị khoa học công nghệ trong thiết kế hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.*
 - *PI 3.2. Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong giáo dục, dạy học tin học và công nghệ tiểu học.*
- **PLO4:** Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.
 - *PI 4.1. Giải quyết các tình huống ứng xử sư phạm.*
 - *PI 4.2. Tư vấn tâm lý và học tập cho học sinh tiểu học.*
 - *PI 4.3. Quản trị lớp học và quản lý hành vi học sinh tiểu học.*
 - *PI 4.4. Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục và dạy học học sinh tiểu học.*
- **PLO5:** Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.
 - *PI 5.1. Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu.*

- *PI 5.2. Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài.*
- *PI 5.3. Đề xuất các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.*
- **PLO6:** Quản trị quá trình giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.
 - *PI 6.1. Lập kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục từng khối lớp.*
 - *PI 6.2. Điều hành và giám sát các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã duyệt.*
- **PLO7:** Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.
 - *PI 7.1. Xem xét các vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau, đưa ra các lập luận logic và thuyết phục.*
 - *PI 7.2. Phát hiện các vấn đề mới, ý tưởng mới, cách làm mới có tính sáng tạo phù hợp với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.*
 - *PI 7.3. Giải quyết sáng tạo các vấn đề đa diện, đòi hỏi tính chất phối hợp cao, liên ngành, sự tổ chức thông tin đa dạng trong hoạt động giáo dục, dạy học tin học và công nghệ và cuộc sống.*
- **PLO8:** Thực hiện hiệu quả các hoạt động giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.
 - *PI 8.1. Thể hiện các hành vi giao tiếp, hợp tác văn minh, lịch sự.*
 - *PI 8.2. Sử dụng hiệu quả các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.*
 - *PI 8.3. Điều hành nhóm làm việc một cách hiệu quả.*
- **PLO9:** Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.
 - *PI 9.1. Thể hiện phẩm chất, đạo đức và tác phong chuẩn mực của nhà giáo.*
 - *PI 9.2. Tham gia các hoạt động truyền thông, tình nguyện, nhân đạo để phục vụ cộng đồng.*
 - *PI 9.3. Đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp.*

III. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(Đánh dấu x vào ô có liên quan)

Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
PO1	x	x	x	x	x				x
PO2	x	x	x		x				
PO3				x		x	x	x	x
PO4								x	x

Bảng 3. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs PLOs và PIs

PO	PLO	PI
PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học giáo dục đáp ứng hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.	PLO1: Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học giáo dục vào hoạt động giáo dục và dạy học môn Tin học và Công nghệ ở cấp Tiểu học.	PI 1.1. Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên vào hoạt động giáo dục học sinh tiểu học. PI 1.2. Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo vào hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học.
PO2: Có năng lực tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tin học và Công nghệ cấp Tiểu học.	PLO2: Tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học Tin học và Công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	PI 2.1. Lập kế hoạch giáo dục, dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.

PO	PLO	PI
		PI 2.2. Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học. PI 2.3. Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học. PI 2.4. Phân tích và phát triển chương trình tin học và công nghệ tiểu học.
	PLO3: Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	PI 3.1. Khai thác các phần mềm, học liệu số, thiết bị khoa học công nghệ trong thiết kế hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học. PI 3.2. Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong giáo dục, dạy học tin học và công nghệ tiểu học.
	PLO4: Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.	PI 4.1. Giải quyết các tình huống ứng xử sư phạm. PI 4.2. Tư vấn tâm lý và học tập cho học sinh tiểu học.

PO	PLO	PI
		PI 4.3. Quản trị lớp học và quản lý hành vi học sinh tiểu học. PI 4.4. Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục và dạy học học sinh tiểu học.
	PLO5: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.	PI 5.1. Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu. PI 5.2. Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài. PI 5.3. Đề xuất các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.
	PLO6: Quản trị quá trình giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.	PI 6.1. Lập kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục từng khối lớp. PI 6.2. Điều hành và giám sát các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã duyệt.
PO3: Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.	PLO3: Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	PI 3.1. Khai thác các phần mềm, học liệu số, thiết bị khoa học công nghệ trong thiết kế hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học. PI 3.2. Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3

PO	PLO	PI
		<i>theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong giáo dục, dạy học tin học và công nghệ tiểu học.</i>
	PLO4: Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.	PI 4.1. Giải quyết các tình huống ứng xử sư phạm. PI 4.2. Tư vấn tâm lý và học tập cho học sinh tiểu học. PI 4.3. Quản trị lớp học và quản lý hành vi học sinh tiểu học. PI 4.4. Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục và dạy học học sinh tiểu học.
	PLO5: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.	PI 5.1. Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu. PI 5.2. Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài. PI 5.3. Đề xuất các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.
	PLO6: Quản trị quá trình giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.	PI 6.1. Lập kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục từng khối lớp. PI 6.2. Điều hành và giám sát các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã duyệt.
	PLO7: Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực	PI 7.1. Xem xét các vấn đề dưới nhiều góc độ khác

PO	PLO	PI
	giải quyết vấn đề phức tạp trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.	nhau, đưa ra các lập luận logic và thuyết phục. PI 7.2. Phát hiện các vấn đề mới, ý tưởng mới, cách làm mới có tính sáng tạo phù hợp với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. PI 7.3. Giải quyết sáng tạo các vấn đề đa diện, đòi hỏi tính chất phối hợp cao, liên ngành, sự tổ chức thông tin đa dạng trong hoạt động giáo dục, dạy học tin học và công nghệ và cuộc sống.
	PLO8: Thực hiện hiệu quả các hoạt động giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.	PI 8.1. Thể hiện các hành vi giao tiếp, hợp tác văn minh, lịch sự. PI 8.2. Sử dụng hiệu quả các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội. PI 8.3. Điều hành nhóm làm việc một cách hiệu quả.
PO4: Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.	PLO1: Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học giáo dục vào hoạt động giáo dục và dạy học môn Tin học và Công nghệ ở cấp Tiểu học.	PI 1.1. Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên vào hoạt động giáo dục học sinh tiểu học. PI 1.2. Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo

PO	PLO	PI
		vào hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học.
	PLO2: Tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học Tin học và Công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	PI 2.1. Lập kế hoạch giáo dục, dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học. PI 2.2. Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học. PI 2.3. Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học. PI 2.4. Phân tích và phát triển chương trình tin học và công nghệ tiểu học.
	PLO3: Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	PI 3.1. Khai thác các phần mềm, học liệu số, thiết bị khoa học công nghệ trong thiết kế hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học. PI 3.2. Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam

PO	PLO	PI
		<i>trong giáo dục, dạy học tin học và công nghệ tiểu học.</i>
	PLO5: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.	PI 5.1. <i>Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu.</i> PI 5.2. <i>Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài.</i> PI 5.3. <i>Đề xuất các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.</i>
	PLO9: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.	PI 9.1. <i>Thể hiện phẩm chất, đạo đức và tác phong chuẩn mực của nhà giáo.</i> PI 9.2. <i>Tham gia các hoạt động truyền thông, tình nguyện, nhân đạo để phục vụ cộng đồng.</i> PI 9.3. <i>Đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp.</i>

IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học

Bảng 4. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm

PLO 5	x	x	x			x		x	x	x		x		x	
PLO 6				x	x	x		x					x		x
PLO 7	x			x				x						x	x
PLO 8							x		x			x			
PLO 9		x					x								

V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

1. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học có thể làm các công việc:

- Giáo viên dạy Tin học và Công nghệ tại các trường tiểu học, trường quốc tế, trường chuyên biệt trong cả nước.
- Có thể làm công tác chuyên viên, quản lý ở các trường tiểu học, Phòng GD&ĐT, Sở.
- Có thể giảng dạy tại khoa Giáo dục Tiểu học trong các trường Cao đẳng Sư phạm và Đại học Sư phạm trong cả nước.
- Có thể mở hoặc làm việc tại các trường tư thục, dân lập, các Trung tâm nghiên cứu giáo dục, các dự án giáo dục.

2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có thể tiếp tục học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Giáo dục học, Giáo dục Tiểu học, Quản lý giáo dục.

VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Tiêu chí tuyển sinh

CTĐT ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

- Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Đủ điều kiện điểm xét học bạ hoặc điểm xét đại học;
- Tổ hợp xét tuyển: + Khối A: Toán – Vật lí – Hoá học,
+ Khối B: Toán – Hoá học – Sinh học,
+ Khối C: Ngữ Văn – Lịch Sử - Địa lý,
+ Khối D1: Toán – Ngữ Văn – Tiếng Anh

2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

VII. Chiến lược giảng dạy và học tập

Để đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận công việc theo vị trí việc làm mà khoa đã đề xuất, Trường Đại học Sư phạm, Khoa Giáo dục Tiểu học đã xây dựng chiến lược, đổi mới phương pháp giảng dạy, tận dụng tối đa mọi nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học. Các chiến lược, phương pháp dạy học được thể hiện thông qua mục tiêu, chương trình đảm bảo sinh viên có kiến thức chuyên môn vững chắc, hiểu biết xã hội rộng, thành thạo về nghiệp vụ. Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ áp dụng gồm phương pháp thuyết trình, dạy học tương tác, dạy học hợp tác, dạy học tình huống.

2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Sinh viên được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra, phương pháp giải quyết vấn đề, seminar...

3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và

cảm nhận. Chiến lược học tập trải nghiệm thường được sử dụng đồng nghĩa với giáo dục trải nghiệm, nhưng thực tế giáo dục trải nghiệm là một triết lý giáo dục rộng hơn, học tập trải nghiệm xem xét quá trình học tập của cá nhân. Học tập trải nghiệm quan tâm đến các vấn đề cụ thể liên quan đến người học và bối cảnh học tập. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: Trải nghiệm trong dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, thực hành

4. Dạy học tương tác

Tương tác chủ yếu dựa vào thảo luận và chia sẻ giữa những người tham gia. Thảo luận và chia sẻ cung cấp cho người học cơ hội để *“phản ứng với những ý tưởng, kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc và kiến thức của GV hoặc của người học đồng lứa và tạo ra những cách suy nghĩ và cảm nhận thay thế”*. SV có thể học hỏi từ các bạn cùng lớp và giảng viên để phát triển các kỹ năng và khả năng xã hội, sắp xếp suy nghĩ của mình và phát triển các lập luận hợp lý.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: thảo luận, dạy học hợp tác, giải quyết vấn đề, seminar, vấn đáp, động não, khăn trải bàn, ...

5. Học tập độc lập

Học tập độc lập đề cập đến một loạt các phương pháp giảng dạy được cung cấp có mục đích để thúc đẩy sự phát triển của cá nhân SV chủ động, tự lực và tự hoàn thiện. Mặc dù việc học độc lập có thể do SV hoặc giảng viên bắt đầu, trọng tâm ở đây sẽ là nghiên cứu độc lập có kế hoạch của SV dưới sự hướng dẫn hoặc giám sát của giảng viên đứng lớp. Ngoài ra, học tập độc lập có thể bao gồm học tập trong sự hợp tác với một cá nhân khác hoặc như một phần của một nhóm nhỏ. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: tự học, DH dự án, nghiên cứu khoa học, sơ đồ tư duy, ... Đọc tài liệu, nghiên cứu bài giảng và tài liệu trước khi lên lớp, thực hiện dự án học tập, nghiên cứu khoa học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra CTĐT

(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)								
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
1	Dạy học trực tiếp									
1.1	Thuyết trình	X	X		X	X				

1.2	<i>Giải quyết vấn đề</i>		X				X	X		X
2	Dạy học gián tiếp									
1.2	<i>Dạy học tình huống</i>	X	X		X					X
2.2	<i>Dạy học dự án</i>			X			X	X	X	
3	Học tập trải nghiệm									
3.1	<i>Tham quan, trải nghiệm thực tế</i>		X				X		X	
3.2	<i>Thực hành</i>	X	X	X	X	X				
4	Dạy học tương tác									
4.1	<i>Thảo luận nhóm</i>	X			X		X		X	
4.2	<i>Seminar</i>		X	X			X	X		
5	Học tập độc lập									
5.1	<i>Tự học</i>			X		X	X		X	
5.2	<i>Nghiên cứu khoa học</i>		X	X			X	X		

D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 2 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 8.

Bảng 8. Các khối kiến thức và số tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	Khối kiến thức Giáo dục đại cương	15	15	0	0
B	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	140	100	15	25
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	23	23	0	0
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	47	47	29	18

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
III	Khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm (đối với Khối ngành Sư phạm)	52	52	42	10
IV	Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	18	6	6	6
Tổng		155	115	15	25

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và Ngoại ngữ.

II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

2.1. Khung chương trình đào tạo

Bảng 9. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			15	10.5	3.5	0		
1	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		GDCT
2	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	GDCT
3	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901	GDCT
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0,5	0	21221903	GDCT
5	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221904	GDCT
6	31221033	Tin học cơ sở	2	1	1	0		Tin học
7	31621549	Pháp luật đại cương	2	1.5	0.5	0		GDCT
8	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)		
9	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		
10	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		
11	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)		
12	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)	(0)	(0)	(4)		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			140	70	58	12		
Kiến thức Cơ sở ngành			23	17	6	0		
13	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	2	2	0	0		Sinh-MT
14	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
15	31231066	Toán rời rạc	3	2	1	0	32221003	GDTH
16	32221038	Cơ sở Công nghệ ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
17	32221003	Xác suất và thống kê ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
18	32221004	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 1 ở tiểu học	2	2	0	0		GDTH
19	32221005	Cơ sở Khoa học tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học	2	2	0	0	32221004	GDTH

20	31231070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1	0	31221033	Tin học
21	31231069	Lập trình Python	3	2	1	0	31221033	Tin học
22	32221683	Sinh lí học trẻ em	2	2	0	0		GDTH
Kiến thức Chuyên ngành			47	27	20	0		
23	32221006	Nhập môn Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	2	1	1	0		GDTH
24	32231011	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	3	2	1	0	32221003	GDTH
25	31231006	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	0		Tin học
26	31231007	Lập trình Scratch	3	2	1	0	31221033	Tin học
27	31231008	Mạng máy tính và internet	3	2	1	0		Tin học
28	31231009	Lập trình game học tập	3	1	2	0	31231069	Tin học
29	31221001	Công nghệ đa phương tiện	2	1	1	0		Tin học
30	31221067	Thiết kế web	2	1	1	0	31231008	Tin học
31	32232185	Công nghệ và đời sống	3	2	1	0		GDTH
32	32222186	Kỹ thuật trồng trọt	2	1	1	0		GDTH
33	32231039	Thiết kế công nghệ	3	2	1	0		GDTH
		Học phần tự chọn	18	10	8	0		
34	32222198	Kỹ thuật tạo hình ở tiểu học	2	1	1	0	32231039	GDTH
35	32231041	Ứng dụng công nghệ trong trồng hoa và cây cảnh	3	2	1	0	32222186	GDTH
36	31222206	Tổ chức thu thập, lưu trữ và trao đổi thông tin	2	1	1	0		Tin học
37	31231012	Lập trình robot	3	2	1	0		Tin học
38	31221003	Mã nguồn mở trong giáo dục	2	1	1	0		Tin học
39	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	0		Ngữ văn
40	32021254	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	1	1	0		TL-GD
41	31221068	Công nghệ phần mềm	2	1	1	0	31221033	Tin học
Kiến thức Nghiệp vụ sư phạm			52	26	26	0		
42	32021002	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	2	0	0		TL-GD
43	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1	0		TL-GD
44	32031003	Giáo dục học tiểu học	3	2	1	0	32041729	TL-GD
45	32021004	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	2	1	1	0	32031003	TL-GD
46	32021274	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1	0		TL-GD
47	31231011	Thiết kế bài giảng Elearning và website dạy học trực tuyến	3	1	2	0		Tin học
48	32221001	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	2	1	1	0		GDTH
49	32221040	Phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học	2	1	1	0		GDTH
50	32242189	Giáo dục STEM trong trường tiểu học	4	2	2	0		GDTH
51	32242190	Phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	4	2	2	0	32232185; 32222186; 32231039	GDTH
52	31242191	Phương pháp dạy học tin học ở tiểu học	4	2	2	0	31231070	Tin học
53	32221007	Phương pháp dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	2	1	1	0	32221004; 32221005	GDTH
54	32222195	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1	0	32242190; 31242191	GDTH
55	32231034	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	3	0	3	0		GDTH
56	32231035	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	3	0	3	0		GDTH

		Học phần Tự chọn	10	6	4	0		
57	33121252	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>	2	2	0	0		TL-GD
58	32221260	<i>Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i>	2	1	1	0		GDTH
59	32222172	<i>Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học</i>	2	1	1	0	32242190; 31242191	GDTH
60	32221042	<i>Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học</i>	2	1	1	0	32242190; 31242191	GDTH
61	32224028	<i>Dạy học tích hợp ở tiểu học</i>	2	1	1	0		GDTH
Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp			18	0	6	12		
62	32221046	Kiến tập sư phạm	2	0	0	2		GDTH
63	32221047	Thực tập sư phạm	4	0	0	4	30321361	GDTH
		<i>Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)</i>	12	0	6	6		
64	32221048	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	0	6		GDTH
65	32231013	<i>Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học</i>	3	0	3	0		GDTH
66	32231014	<i>Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học</i>	3	0	3	0		GDTH
TỔNG SỐ TÍN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			155	81	63	12		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			115					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			15					

2.2.Kế hoạch đào tạo

Bảng 10: Kế hoạch đào tạo

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
1	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1	0		TL-GD
	32031003	Giáo dục học tiểu học	3	2	1	0	32041729	TL-GD
	32221683	Sinh lí học trẻ em	2	2	0	0		SINH-MT
	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	2	2	0	0		SINH-MT
	32221006	Nhập môn Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	31221033	Tin học cơ sở	2	1	1	0		TIN
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	0	(1)		GDTC
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			15	11	4	0	
2	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		GDCT
	32221004	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 1 ở tiểu học	2	2	0	0		GDTH
	32021004	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	2	1	1	0	32031003	TL-GD
	32221038	Cơ sở Công nghệ ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	32221003	Xác suất và thống kê ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	32021274	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1	0		TLGD

	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		GDTC
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)	(0)	(0)	(4t)		GDQP
		Học phần Tự chọn	4	2	2	0		
	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	0		NGŨ VĂN
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		19	11	8	0		
3	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	GDCT
	31621549	Pháp luật đại cương	2	1.5	0.5	0		GDCT
	31231066	Toán rời rạc	3	2	1	0	32221003	GDTH
	32221005	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học	2	2	0	0	32221004	GDTH
	32231011	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	3	2	1	0	32221003	GDTH
	31231070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1	0	31221033	TIN
	32232185	Công nghệ và đời sống	3	2	1	0		GDTH
	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		GDTC
		Học phần tự chọn:	4	3	1	0		
	31221068	Công nghệ phần mềm	2	1	1	0	31221033	TIN
	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0	0		TL-GD
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		22	16	6	0		
4	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901	GDCT
	32222186	Kỹ thuật trồng trọt	2	1	1	0		GDTH
	31231069	Lập trình Python	3	2	1	0	31221033	TIN
	32242189	Giáo dục STEM trong trường tiểu học	4	2	2	0		GDTH
	32231039	Thiết kế công nghệ	3	2	1	0		TIN
	31231006	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	0		GDTH
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)		GDTC
		Học phần tự chọn:	4	2	2	0		
	31222206	Tổ chức thu thập, lưu trữ và trao đổi thông tin	2	1	1	0		TIN
	32222198	Kỹ thuật tạo hình ở tiểu học	2	1	1	0	32231039	GDTH
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		21	12.5	8.5	0		
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0	21221903	GDCT
	31231008	Mạng máy tính và internet	3	2	1	0		TIN
	31231009	Lập trình game học tập	3	2	1	0	31231069	TIN
	31242191	Phương pháp dạy học tin học ở tiểu học	4	2	2	0	31231070	TIN
	32242190	Phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	4	2	2	0	32232185; 32222186; 32231039	GDTH
		Học phần tự chọn:	5	3	2	0		
	32231041	Ứng dụng công nghệ trong trồng hoa và cây cảnh	3	2	1	0	32222186	GDTH

	31221003	Mã nguồn mở trong giáo dục	2	1	1	0		TIN
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		21	12.5	8.5	0		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221904	GDTC
	32231034	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học	3	0	3	0		GDTH
	32231035	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học	3	0	3	0		TIN
	31221001	Công nghệ đa phương tiện	2	1	1	0		TL-GD
	31231007	Lập trình Scratch	3	2	1	0	31221033	TIN
	31221067	Thiết kế web	2	1	1	0	31231008	TIN
		Học phần tự chọn:	7	3	4	0		
	31231012	Lập trình robot	3	2	1	0		TIN
	32021254	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	1	1	0		TL-GD
	32221042	Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học	2	1	1	0	32242190; 31242191	GDTH
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		22	9.5	12.5	0		
7	31231011	Thiết kế bài giảng Elearning và website dạy học trực tuyến	3	1	2	0		TIN
	32221001	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	32222195	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1	0	32242190; 31242191	GDTH
	32221040	Phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	32021002	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	2	0	0		TL-GD
	32222194	Phương pháp dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2	1	1	0	32221004; 32221005	GDTH
	32221046	Kiến tập sư phạm	2	0	2	0		
		Học phần tự chọn						
	32222172	Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học	2	1	1	0	32242190; 31242191	GDTH
	32224028	Dạy học tích hợp ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		19	9	10	0		
8	30341843	Thực tập sư phạm	4	0	4	0	32221046	GDTH
		Học phần tự chọn						
	30361338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		GDTH
	32231013	Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học	3	0	3	0		GDTH
	32231014	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Công nghệ ở tiểu học	3	0	3	0		GDTH
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		16	0	16	0		